

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. LONG KHÁNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số:13/2025/DS-ST

Ngày: 28-03-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Tùng**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phi Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28/3/2025, tại Hội trường B, Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2024/DSST ngày 04/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 21/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/HPT-ST ngày 10/03/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Trần Ánh L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: F, đường B, tổ F, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Trần Ngọc T**, sinh năm 1974

Địa chỉ: tổ F, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Hợp đồng uỷ quyền số 002506, quyền số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2024).

*** Bị đơn:** Bà **Tô Thị Tuyết S**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 0, đường số F, tổ A, khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Ánh L do bà Trần Ngọc T đại diện trình bày:**

Trần Ánh L là con gái của bà. Con gái của chị S là bạn học của con gái L nên L và chị S quen nhau. Do gặp khó khăn nên chị S có mượn tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) của L và thỉnh thoảng S có cho mẹ bà (là bà của L) tiền ăn bánh. Khi L cho chị S mượn tiền, bà có chứng kiến và chị S có ký vào giấy vay tiền. Sau đó, L đòi thì chị S không trả và tránh mặt. Bà cũng trực tiếp nhắn tin nói chuyện với chị S nhưng chị chỉ hứa hẹn mà không trả cho L.

Trong khoảng thời gian vừa qua mặc dù chị S không về nhà nhưng vẫn liên lạc với bà qua số Zalo có tên là FOE. Bà và chị S có kết bạn qua Z và có số điện thoại 0937.810.034. Từ năm 2023 cho đến nay, bà có gọi điện thoại với chị S để hỏi về việc thiện chí trả nợ nhưng chị không bắt máy, chỉ nhắn tin hứa hẹn xin trả dần. Bà vô nhà thì tìm thì con trai của chị S nói chuyện thô lỗ, thách đố. Nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị S phải trả số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Bị đơn chị Tô Thị Tuyết S vắng mặt nên không trình bày.**

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn chưa chấp hành tốt.

- Về thời hiệu khởi kiện: đúng quy định pháp luật.

- Thời hạn giải quyết: vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 23/10/2021, bà S đã ký với nội dung có vay của chị L số tiền 50.000.000 đồng (không thể hiện thời gian trả và không lãi suất). Đến đầu tháng 01/2024, chị L yêu cầu bà S hoàn trả số tiền đã vay nhưng bà S vẫn không trả. Mặc dù bà S hiện không ở tại nơi cư trú nhưng vẫn nhắn tin, gọi điện và biết việc chị L đã khởi kiện ra Tòa án nhưng vẫn không có thiện chí trả nợ.

Tòa án đã có thông báo yêu cầu bà S nộp gửi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ kèm theo về việc chị L khởi kiện bà nhưng bà S không hợp tác. Như vậy, bà S đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại Kết luận giám định số 7445/KL-KTHS ngày 17/01/2025 của Phân Viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: toàn bộ chữ viết, chữ ký đứng tên Tô Thị Tuyết S trên tài liệu ký hiệu A (*Giấy xác nhận*) co với chữ viết, chữ ký dùng làm mẫu so sánh đứng tên Tô Thị Tuyết S trên các tài liệu ký hiệu M1, M2 (*phiếu cập nhận, chỉnh sửa thông tin dân cư*) là do cùng 01 người viết, ký ra.

Do vậy, việc chị L yêu cầu bà S thanh toán số tiền 50.000.000 đồng đã vay là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Điều 463, 466, 469 BLDS; các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên:

* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L1: buộc bà Tô Thị Tuyết S phải thanh toán cho chị L1 số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc chị Tô Thị Tuyết S phải trả số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu lãi suất nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Tô Thị Tuyết S có hộ khẩu thường trú tại 0, đường số F, tổ A, khu phố N, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Trần Ánh L khởi kiện chị Tô Thị Tuyết S nên chị L là nguyên đơn. Chị L ủy quyền cho bà Trần Ngọc T đại diện theo đúng quy định tại Điều 138 – BLDS.

Chị Tô Thị Tuyết S là người bị kiện trong vụ tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên là bị đơn.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 227 – Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Về thời hiệu: ngày 23/10/2021, chị L cho chị S vay 50.000.000 đồng không kỳ hạn, không lãi suất. Đến tháng 01/2024, chị L đã nhiều lần yêu cầu bà S trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Đến ngày 01/8/2024, chị L đã làm đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do đó, còn thời hiệu.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Bà T khai ngày 23/10/2021 chị L có cho chị S mượn số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), có viết giấy nợ. Phía chị S thỉnh thoảng có cho bà của chị L tiền ăn bánh. Chị L đã nhiều lần đòi lại tiền nhưng chị S hứa hẹn và trốn tránh. Chị S biết việc chị L khởi kiện lên toà án để yêu cầu trả nợ nhưng vẫn tiếp tục hứa mà không đến Tòa án làm việc, cho rằng mình đang đi làm ăn xa, xin trả dần mỗi tháng. Tuy nhiên chị S vẫn không trả nên chị L làm đơn khởi kiện.

Quá trình làm việc, bà T cung cấp các tin nhắn giữa bà và chị S (BL32-52). Các tin nhắn thể hiện việc chị S đã biết việc chị L đã khởi kiện lên Tòa án, Tòa án gửi các giấy mời nhưng chị chỉ hứa xin trả dần, không về làm việc.

Đương sự có quyền chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có cơ sở. Phía chị L đã cung cấp giấy xác nhận nợ của mình và yêu cầu Toà án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết.

Ngày 22/11/2024, Toà án đã tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của chị Tô Thị Tuyết S.

Tại (BL61), P Bộ C đã có kết luận giám định số 7445/KL-KTHS ngày 17/01/2025 kết luận chữ ký và chữ viết Tô Thị Tuyết S trong giấy xác nhận ngày 23/10/2021 với Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư của bà Tô Thị Tuyết S ngày 01/6/2021 (có dấu mộc của Công an thành phố L) và Phiếu cập nhật, chỉnh sửa thông tin dân cư của bà Tô Thị Tuyết S không đề ngày do Công an thành phố L, tỉnh Đồng Nai cung cấp là cùng một người viết ra.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp và do Toà án thu thập. Đồng thời triệu tập bị đơn lên làm việc nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2, Điều 92 – BLTTDS có quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”*

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 92 BLTTDS quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*.

Do chị S không có ý kiến, tài liệu chứng cứ chứng minh việc mình đã trả nợ nên Toà án tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Từ những tài liệu chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở xác định chị Tô Thị Tuyết S có vay của chị Trần Ánh L số tiền 50.000.000đ. Chị L không yêu cầu lãi suất nên không xem xét, giải quyết.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Tô Thị Tuyết S có nghĩa vụ thanh toán cho chị Trần Ánh L số tiền 50.000.000đ. (Năm mươi triệu đồng).

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí tố tụng (Chi phí giám định và chi phí đi lại). Nguyên đơn đã nộp nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên.

[7] Về án phí: Chị Tô Thị Tuyết S phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) án phí DSST. Hoàn trả cho chị L 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp. Biên lai thu tiền số 0005673 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 4, Điều 91, khoản 2, Điều 92, Điều 93, khoản 2, Điều 97, Điều 179, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466 – Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa chị Trần Ánh L với chị Tô Thị Tuyết S.

Buộc chị Tô Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả cho chị Trần Ánh L số tiền 50.000.000đ. (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Về chi phí tố tụng: Chị Tô Thị Tuyết S phải chịu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) chi phí tố tụng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền trên.

3. Về án phí: Chị Tô Thị Tuyết S phải chịu 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí DSST. Hoàn trả cho chị L 1.250.000đ (*Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp. Biên lai thu tiền số 0005673 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn cho đến khi thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các số tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Thi hành án dân sự TP. Long Khánh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Lưu án văn;*

Nguyễn Thị Hải Yến

